

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY
Quý VI năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2024
ngày 31 tháng 12 năm 2024

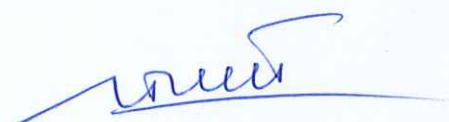
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. Tài sản ngắn hạn		9.455.555.840	15.296.200.809
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	8.307.277.427	10.931.015.001
111	1. Tiền		307.277.427	631.015.001
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	10.300.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		90.348.999	1.594.998.999
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	64.800.000	1.562.400.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	744.343.000	744.343.000
136	3. Các khoản phải thu khác	6	5.184.011.552	5.191.061.552
137	4. Dự phòng các phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(5.902.805.553)	(5.902.805.553)
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		1.057.929.414	2.770.186.809
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		12.941.565	14.541.561
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.044.987.849	2.755.645.248
200	B. Tài sản dài hạn		743.625.959.593	744.222.687.660
220	I. Tài sản cố định		1.666.442.227	2.180.056.327
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.666.442.227	2.180.056.327
222	Nguyên giá		4.196.143.673	4.196.143.673
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.529.701.446)	(2.016.087.346)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		741.951.890.000	741.951.890.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	9	741.951.890.000	741.951.890.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		7.627.366	90.741.333
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		7.627.366	90.741.333
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		753.081.515.433	759.518.888.469

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2024 (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. Nợ phải trả		309.184.491.262	321.301.654.058
310	I. Nợ ngắn hạn		27.302.024.596	28.024.260.392
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		1.818.000	36.448.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		350.129.472	301.146.409
314	3. Phải trả người lao động		284.110.000	260.144.500
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	10	2.665.967.124	3.139.205.483
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	24.000.000.000	24.287.316.000
330	II. Nợ dài hạn		281.882.466.666	293.277.393.666
337	Phải trả dài hạn khác	11	61.490.000.000	48.790.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	220.392.466.666	244.487.393.666
400	D. Vốn chủ sở hữu		443.897.024.171	438.217.234.411
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	443.897.024.171	438.217.234.411
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		905.000.000.000	905.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		905.000.000.000	905.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.455.000.000	24.455.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)		(485.557.975.829)	(491.237.765.589)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(491.237.765.589)	(508.810.298.764)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		5.679.789.760	17.572.533.175
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		753.081.515.433	759.518.888.469



Phạm Thị Minh
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Vũ Hồng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 24 tháng 01 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Quý 4/2024	Quý 4/2023	Năm 2024	Năm 2023
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	-	3.900.000.000	-	3.900.000.000
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	3.900.000.000	-	3.900.000.000
11	4. Giá vốn hàng bán	16	-	(1.418.007.913)	-	(1.418.007.913)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	2.481.992.087	-	2.481.992.087
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	17.896.939.725	20.934.032.990	33.815.906.150	31.146.729.957
22	7. Chi phí tài chính	18	(5.570.608.317)	(6.439.002.754)	(22.874.631.058)	(12.000.444.294)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(5.480.608.317)	(6.169.002.754)	(22.514.631.058)	(30.000.444.294)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(842.556.354)	(1.162.106.519)	(3.595.407.911)	(4.750.765.433)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.483.775.054	15.814.915.804	7.345.867.181	16.877.512.317
31	11. Thu nhập khác		180.000.000	682.354.684	720.000.000	1.222.354.684
32	12. Chi phí khác		(2.015.965.589)	(120.373.944)	(2.386.077.421)	(527.333.826)
40	13. Lợi nhuận khác		(1.835.965.589)	561.980.740	(1.666.077.421)	695.020.858
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.647.809.465	16.376.896.544	5.679.789.760	17.572.533.175
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.647.809.465	16.376.896.544	5.679.789.760	17.572.533.175



Phạm Thị Minh
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Vũ Hồng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 24 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Lợi nhuận trước thuế		5.679.789.760	17.572.533.175
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		513.614.100	513.614.100
03	Tăng/(giảm) các khoản dự phòng		-	(18.360.000.000)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(33.692.217.000)	(31.067.803.000)
06	Chi phí lãi vay		22.514.631.058	30.000.444.294
08	Lợi nhuận (lỗ) hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.984.182.082)	(1.341.211.431)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		3.215.307.399	(296.114.109)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		13.078.318.563	9.985.991.523
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		84.713.963	221.820.607
14	Tiền lãi vay đã trả		(22.967.869.417)	(31.032.444.292)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		(11.573.711.574)	(22.461.957.702)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	18.360.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		33.692.217.000	35.607.803.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		33.692.217.000	53.967.803.000
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(24.742.243.000)	(24.287.316.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(24.742.243.000)	(24.287.316.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/năm (50 = 20 + 30 + 40)		(2.623.737.574)	7.218.529.298
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ/năm		10.931.015.001	3.712.485.703
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ/năm (70 = 50 + 60 + 61)		8.307.277.427	10.931.015.001

Phạm Thị Minh
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Vũ Hồng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 24 tháng 01 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102051941 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 ngày 12 tháng 10 năm 2022.

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay với mã cổ phiếu NVT theo công văn số 85/QĐ-SGDHCM. Vào ngày 7 tháng 5 năm 2010, 50.500.000 cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số cổ phiếu đang được lưu hành của Công ty là 90.500.000 cổ phiếu.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ chưa sử dụng hoặc đi thuê và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà Hoàng Gia, số 180 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 4 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4 công ty con), với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	51,00%	51,00%	Thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	Kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lưu hành.
2	Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Dã Hương	99,51%	99,51%	Tầng 6, tòa nhà Tasco, lô HH 2-2, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
3	Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	62,10%	62,41%	Đường 706B, đồi cát bay, KP5, Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.	Kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lưu hành.
4	Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An	56,47%	56,75%	Khu biệt thự Ana Mandara Dalat, số 10 đường Lê Lai, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lưu hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam ("VND").

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm dành cho những đối tượng không được biết và các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay. Báo cáo hợp nhất của Công ty và các công ty con được lập và trình bày riêng theo yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, đầu tư vào các công ty con được hạch toán theo giá gốc như được trình bày tại Thuyết minh 9.1.

4. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ, ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Quyền kiểm soát của Công ty đối với công ty con được xem xét bao gồm sự tồn tại và ảnh hưởng của quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện hoặc chuyển đổi. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất toàn bộ vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày mẹ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty mẹ. Việc hợp nhất báo cáo tài chính chấm dứt kể từ khi Công ty mẹ mất quyền kiểm soát công ty con.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Trong báo cáo tài chính riêng, kết quả kinh doanh của công ty con được ghi nhận khi Công ty nhận được cổ tức từ công ty con và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4.4 Phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với thời gian khấu hao như sau:

	Năm
Phương tiện vận tải	7 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 7

4.6 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí.

4.7 Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ bao gồm tài sản được Công ty nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 1 năm đến 3 năm.

4.8 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (kể cả khi thời gian xây dựng và lắp đặt dưới 12 tháng) thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

4.10 Lợi ích nhân viên

Công ty tham gia quỹ phúc lợi với mức đóng góp xác định bắt buộc của Chính phủ Việt Nam theo các quy định pháp luật hiện hành về lao động, việc làm và các lĩnh vực liên quan, được quản lý bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thông qua các cơ quan Bảo hiểm Xã hội địa phương. Các khoản phúc lợi bắt buộc này bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tại cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương, Công ty chi trả phần nghĩa vụ của mình về các khoản phúc lợi bắt buộc này và thay mặt đối tượng tham gia các khoản phúc lợi bắt buộc thanh toán phần nghĩa vụ thuộc về họ.

Đối tượng tham gia, phương thức tính toán, kê khai và chi trả các nghĩa vụ liên quan đến các khoản phúc lợi bắt buộc được thực hiện cho từng giai đoạn cụ thể căn cứ các quy định hiện hành có liên quan. Công ty không có nghĩa vụ chi trả đối quỹ phúc lợi hưu trí dành cho nhân viên.

Công ty không tham gia bất kỳ quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.11 Vốn chủ sở hữu**Vốn góp**

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư nhận được từ việc phát hành cổ phiếu được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành cổ phiếu được khấu trừ khỏi phần thặng dư, trừ với bất kỳ khoản trợ cấp thuế thu nhập nào.

Lợi nhuận/(lỗ lũy kế) sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ lũy kế) sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

4.12 Doanh thu**Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của phần vốn góp, cổ phần. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỷ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

4.13 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.14 Báo cáo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chủ yếu của công ty theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư vào các công ty có hoạt động kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Đồng thời, hoạt động đầu tư của Công ty chỉ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4.15 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.16 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.17 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình riêng của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.18 Phân loại tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn hoặc dài hạn

Tài sản và nợ phải trả được phân loại thành ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán theo kỳ hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả đó tại ngày của bảng cân đối kế toán, ngoại trừ cách thức phân loại đặc thù và/hoặc đã được định trước trong Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.19 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính riêng này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
Tiền		
Tiền mặt	124.878.497	147.845.938
Tiền gửi ngân hàng	182.398.930	483.169.063
Tương đương tiền		
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	8.000.000.000	10.300.000.000
Tổng cộng	8.307.727.427	10.931.015.001

(*) Các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại kỳ hạn dưới 3 tháng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
Phải thu khách hàng		
Khác	64.800.000	1.562.400.000
Tổng cộng	64.800.000	1.562.400.000
Trả trước cho bên thứ ba		
Khác	744.343.000	744.343.000
Tổng cộng	744.343.000	744.343.000
Phải thu khác ngắn hạn		
Phải thu về chi phí thanh toán hộ	5.158.462.551	5.165.512.551
Phải thu khác	25.549.001	25.549.001
Tổng cộng	5.184.011.552	5.191.061.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế BIM Sài Gòn	744.343.000	-	744.343.000	-
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	2.468.734.718	-	2.468.734.718	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thạch Hưng	2.689.727.835	-	2.689.727.835	-
TỔNG CỘNG	5.902.805.553	-	5.902.805.553	-

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu kỳ	3.534.109.091	662.034.582	4.196.143.673
Số cuối kỳ	3.534.109.091	662.034.582	4.196.143.673
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	437.206.400	437.206.400
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu kỳ	1.453.741.039	562.346.307	2.016.087.346
- Khấu hao trong kỳ	481.495.776	32.118.324	513.614.100
Số cuối kỳ	1.935.236.815	594.464.631	2.529.701.446
Giá trị còn lại:			
Số đầu kỳ	2.080.368.052	99.688.275	2.180.056.327
Số cuối kỳ	1.598.872.276	67.569.951	1.666.442.227

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 9.1)	741.951.890.000	741.951.890.000
TỔNG CỘNG	741.951.890.000	741.951.890.000

Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào công ty con

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2024				Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Dã Hương	43.750.000	99,51%	437.500.000.000	-	43.750.000	99,51%	437.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	4.590.000	51%	304.451.890.000	-	4.590.000	51%	304.451.890.000	-
TỔNG CỘNG			741.951.890.000	-			741.951.890.000	

Thông tin chi tiết về các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Lãi vay phải trả	2.555.967.124	3.009.205.483
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	110.000.000	130.000.000

11. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả dài hạn khác	61.490.000.000	48.790.000.000
	61.490.000.000	48.790.000.000



Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. VAY

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Trong năm		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Số dư	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số dư	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	12.1	-	-	(287.316.000)	287.316.000	287.316.000
Trái phiếu phát hành (ii)	12.2	24.000.000.000	24.000.000.000	(24.000.000.000)	24.000.000.000	24.000.000.000
Vay dài hạn		24.000.000.000	24.000.000.000	(24.287.316.000)	24.287.316.000	24.287.316.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	12.1	-	-	(454.927.000)	454.927.000	454.927.000
Vay các cá nhân khác		54.700.000.000	-	-	54.700.000.000	54.700.000.000
Trái phiếu phát hành (ii)	12.2	165.692.466.666	360.000.000	(24.000.000.000)	189.332.466.666	189.332.466.666
Tổng cộng		220.392.466.666	360.000.000	(24.454.927.000)	244.487.393.666	244.487.393.666
		244.392.466.666	24.360.000.000	(48.742.243.000)	268.774.709.666	268.774.709.666

Chi tiết về thông tin các khoản vay như sau:

Khoản Đối tượng cho vay Hợp đồng	Số dư tại 31.12.2024 (VNĐ)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
/Trái chủ				
(i) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	01/2021/9886181/HĐTD	- Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2021, đáo hạn ngày 18 tháng 7 năm 2026. Lãi vay trả hàng được điều chỉnh theo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh.	19 9,5% cố định trong 12 tháng kể từ Thế chấp bằng tài sản là xe ô tô Volvo mua xe ô tô số BAA/21/05/336 ký ngày 18 tháng 5 năm 2021 với Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội.	
(ii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	49.21-002513797.HDDM	Mệnh giá trái phiếu 192.000.000.000	Trái phiếu đáo hạn vào ngày 18 tháng 5 năm 2031. Tiền gốc được thanh toán suất cho vay áp dụng cho kỳ hạn phần vốn góp của Công ty tại 2 công ty theo lộ trình hàng năm cho tới khi đáo hạn 12 tháng cộng biên độ con là Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Đá Hương và Công ty Cổ phần Du lịch	Hồng Hải.
		(2.307.533.334)	từng quý kể từ ngày phát hành trái phiếu.	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần Thặng dư vốn cổ phần		Lỗi lũy kế	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Số dư, 1 tháng 1 năm 2023	905.000.000.000	24.455.000.000	(508.810.298.764)	420.644.701.236
Lợi nhuận trong năm	-	-	17.572.533.175	17.572.533.175
Số dư, 31 tháng 12 năm 2023	905.000.000.000	24.455.000.000	(491.237.765.589)	438.217.234.411
Số dư, 1 tháng 1 năm 2024	905.000.000.000	24.455.000.000	(491.237.765.589)	438.217.234.411
Lợi nhuận trong năm	-	-	5.679.789.760	5.679.789.760
Số dư, 31 tháng 12 năm 2024	905.000.000.000	24.455.000.000	(485.557.975.829)	443.897.024.171

14. VỐN CỔ PHẦN

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần đây nhất tại ngày 12 tháng 10 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 905.000.000.000 VNĐ, được chia thành 90.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.

14.1 Chi tiết về vốn cổ phiếu lưu hành trong năm

	31 tháng 12 năm 2024		31 tháng 12 năm 2023	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VNĐ/cổ phiếu). Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

14.2 Chi tiết về vốn góp của chủ sở hữu

	31 tháng 12 năm 2024			31 tháng 12 năm 2023		
	Tổng số VNĐ	Cổ phiếu phổ thông VNĐ	Cổ phiếu ưu đãi VNĐ	Tổng số VNĐ	Cổ phiếu phổ thông VNĐ	Cổ phiếu ưu đãi VNĐ
Vốn góp của cổ đông	905.000.000.000	905.000.000.000	-	905.000.000.000	905.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	24.455.000.000	24.455.000.000	-	24.455.000.000	24.455.000.000	-
	929.455.000.000	929.455.000.000	-	929.455.000.000	929.455.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3.900.000.000
	-	3.900.000.000

16. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	1.418.007.913
	-	1.418.007.913

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	123.689.150	78.926.957
Lãi từ cổ tức được chia từ Công ty con	33.692.217.000	31.067.803.000
TỔNG CỘNG	33.815.906.150	31.146.729.957

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	22.514.631.058	30.000.444.294
Hoàn nhập dự phòng cho các khoản đầu tư	-	(18.360.000.000)
Chi phí tài chính khác	360.000.000	360.000.000
TỔNG CỘNG	22.874.631.058	12.000.444.294

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	2.599.960.502	3.092.586.883
Chi phí khấu hao	131.142.287	223.603.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài & khác	864.305.122	1.434.575.073
TỔNG CỘNG	3.595.407.911	4.750.765.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

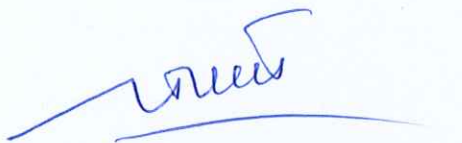
Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ quý này và cùng kỳ năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An	Công ty con	Nhận lại tiền tạm ứng vốn	-	10.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Dã Hương	Công ty con	Nhận cổ tức năm trước	-	4.507.803.000
		Cổ tức được chia	5.642.217.000	5.600.000.000
		Nhận cổ tức năm nay	5.642.217.000	5.600.000.000
Công ty CP Du lịch Hồng Hải	Công ty con	Cổ tức được chia	28.050.000.000	25.500.000.000
		Nhận cổ tức năm nay	28.050.000.000	25.500.000.000



Phạm Thị Minh
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Vũ Hồng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 01 năm 2025

